TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 03/01/2024
"*v/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Mai Hoa và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2023/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "*Ly hôn*".

Do Bản án sơ thẩm số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Vũ Văn N, sinh năm 1967; Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Khu dân cư P, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1966; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Khu dân cư P, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Đinh Thị H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã K, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, ông Vũ Văn N trình bày:

Ông và bà Đinh Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là phường H), thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 18/01/1986. Sau khi kết hôn, ông và bà H về sống chung cùng bố mẹ ông được một thời gian ngắn thì chuyển ra ở riêng tại mảnh đất khác. Ông làm nghề lái tàu thủy thuê cho công ty nên thường xuyên vắng nhà. Do vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm phai nhạt, từ đó ông và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất

đồng trong cuộc sống. Cuối năm 2022, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống không có hạnh phúc nên ông đã làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân thị xã K, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Đinh Thị H.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Thị Huyền T, sinh năm 1987 và Vũ Văn Q, sinh năm 1989. Do các con đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Đinh Thị H trình bày:

Bà xác định về điều kiện, thời gian kết hôn như ông N trình bày là đúng. Sau ngày cưới, vợ chồng bà chung sống tại khu dân cư P, phường H, thị xã K. Quá trình chung sống, ông bà không xảy ra bất kỳ mâu thuẫn gì. Nguyên nhân ông N làm đơn ly hôn bà là do ông N quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà phát hiện ông N ngoại tình từ tháng 11/2022. Ông N tham gia vào hội ca hát có quen biết một người phụ nữ và hai bên nảy sinh tình cảm. Sự việc ông N ngoại tình không chỉ bà mà hai con của bà cũng biết. Đã nhiều lần bà và hai con động viên, khuyên bảo, tha thứ cho ông N nhưng đến nay ông N vẫn không thay đổi. Nay quan điểm của bà xác định luôn luôn tha thứ cho lỗi lầm của ông N, mong muốn ông N quay về để gìn giữ hạnh phúc gia đình nên bà không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con là Vũ Thị Huyền T, sinh năm 1987 và Vũ Văn Q, sinh năm 1989. Do các con đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 08/8/2023, UBND phường H, thị xã K cung cấp: Ông Vũ Văn N và bà Đinh Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới ông bà chung sống tại khu dân cư P, phường H. Theo thông tin nắm bắt được thì thời gian gần đây ông bà có mâu thuẫn do ông N có biểu hiện quan hệ nam nữ không lành mạnh. Vợ chồng ông N, bà H đã 02 lần xảy ra mâu thuẫn, xô xát và đều được chính quyền địa phương xử lý kịp thời. Hiện nay ông N, bà H đang sống ly thân nhau.

Tại Biên bản xác minh ngày 21/9/2023, Công an xã Đ, huyện K cung cấp: Bà Mạc Thị H1, sinh năm 1973, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Ông Vũ Văn N, sinh năm 1967 không phải là công dân của địa phương. Giữa bà H1, ông N không có mối quan hệ vợ chồng. Vào năm 2022 có xảy ra sự việc vợ và con ông N đến trụ sở Công an xã nhờ Công an xã đến nhà bà Mạc Thị H1 tìm ông N quay về. Công an xã đã đến nhà bà H1 kiểm tra việc lưu trú của ông N. Do không có căn cứ ông N, bà H1 chung sống

như vợ chồng nên Công an xã chỉ nhắc nhở và không lập biên bản sự việc. Theo nắm bắt tình hình khu dân cư, ông N vẫn thi thoảng qua lại với bà H1.

Tại Bản án sơ thẩm số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn N. Xử cho ông Vũ Văn N ly hôn bà Đinh Thị H. Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2023, bị đơn bà Đinh Thị H có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Lý do kháng cáo: Bà H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm trong việc xác minh, thu thập chứng cứ và cấp tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định của pháp luật do chưa đủ căn cứ để cho bà và ông N ly hôn.

Tại phiên tòa:

- Bà Đinh Thị H trình bày: Bà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bà xác định ông N không có quan hệ ngoại tình mà chỉ có quan hệ bạn bè với bà Mạc Thị H1. Trước khi ông N làm đơn xin ly hôn, bà và ông N không có mâu thuẫn gì, vợ chồng không sống ly thân nên không thể xác định là hôn nhân của bà và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhên bà thừa nhận sau khi phát hiện ông N có quan hệ với bà H1, mẹ con bà có đến báo với Công an xã Đ nơi bà H1 cư trú để nhờ can thiệp, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, ông N không quan tâm gì đến bà và thỉnh thoảng mới về nhà sau đó lại bỏ đi, đến nay bà không có biện pháp gì để cải thiện lại quan hệ vợ chồng.

- Ông Vũ Văn N trình bày: Vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2022. Nguyên nhân xuất phát từ việc bà H và các con phát hiện ông có tình cảm với người phụ nữ khác. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn đến nay, thỉnh thoảng ông có về thăm nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Trước đó do mâu thuẫn vợ chồng, bà H đã có nguyện vọng ly hôn và ông đã làm đơn ra Toà án thị xã K sau đó lại rút đơn về nhưng cuộc sống ngày càng không có hạnh phúc. Do vậy, ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã K. Bà H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bà Đinh Thị H trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Đinh Thị H thì thấy:

[2.1] Về tố tụng:

[2.1.1] Về thủ tục thụ lý vụ án: Ngày 27/6/2023, ông Vũ Văn N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã K. Kèm theo đơn khởi kiện, ông N cung cấp Bản sao Giấy khai sinh mang tên Vũ Văn Q. Đây là giấy tờ có giá trị pháp lý, chứng minh anh Vũ Văn Q là con của ông Vũ Văn N và bà Đinh Thị H. Trên cơ sơ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Tòa án nhân dân thị xã K đã thụ lý đơn khởi kiện của ông N là đúng quy định của pháp luật.

[2.1.2] Về thủ tục tống đạt: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã K đã ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án và đã gửi thông báo cho bị đơn vào ngày 04/7/2023 (thể hiện tại sổ gửi công văn đi) là đảm bảo về thời hạn theo quy định tại Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tống đạt văn bản tố tụng cho bà H, do bà H vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho anh Vũ Quang L (Vũ Văn Q) là người thân thích cùng nơi cư trú với bà H nhận thay là thực hiện đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1.3] Về việc thu thập chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn, bị đơn đồng thời xác minh tình trạng mâu thuẫn các đương sự tại UBND phường H. Việc xác minh, thu thập chứng cứ đã được Tòa án nhân dân thị xã K thực hiện đúng quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của ông N, bà H tại

cấp sơ thẩm; căn cứ vào Biên bản xác minh tại UBND phường H và Công an xã Đ, huyện K thể hiện ông N và bà H đã phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2022. Nguyên nhân xuất phát từ việc bà H và các con phát hiện ông N có quen biết, qua lại với bà Mạc Thị H1 ở xã Đ, huyện K. Mâu thuẫn trầm trọng khi các con của ông N đến tìm gặp và gây to tiếng, ầm ĩ tại nhà bà H1. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và ông N đều xác định ông N và bà H1 chỉ có quan hệ bạn bè. Tuy nhiên, việc bà H nghi ngờ ông N đã khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Do mâu thuẫn nên từ cuối năm 2022, ông N chỉ về nhà khi gia đình có công việc, sau đó lại đi ngay; vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mặc dù đã được các con động viên, hòa giải, khuyên ông N rút đơn về để vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng ông N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Từ khi Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý, giải quyết vụ án đến ngày xét xử phúc thẩm, ông N vẫn xác định không còn tình cảm, không muốn duy trì cuộc sống chung với bà H và cương quyết xin ly hôn. Bà H không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau. Vì vậy có đủ cơ sở khẳng định, mâu thuẫn giữa ông N và bà H đã trầm trọng, nếu tiếp tục cuộc sống chung cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử cho ông N ly hôn bà H là phù hợp.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã K.

[3].Về án phí: Bà Đinh Thị H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị H. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã K về phần quan hệ hôn nhân như sau:

2. Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Vũ Văn N ly hôn bà Đinh Thị H.

3. Về án phí: Bà Đinh Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình

phúc thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số AA/2023/0000009 ngày 05/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Hải Dương. Bà H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (03/01/2024)./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thị xã K;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chất